

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Năm báo cáo: 2016

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên
- *Giấy chứng nhận ĐKKD số 4600355393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 07/05/2004, cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 11/05/2016*
- Vốn điều lệ: 37.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Tổ dân phố Bông Hồng - Phường Bãi Bông – Thị xã Phổ Yên – Thái Nguyên
- Số điện thoại: 02083 863694
- Số Fax: 02083.863.118
- Website: <http://www.fomeco.vn>
- Mã cổ phiếu: FBC

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Cơ khí Phổ Yên (FOMECO) được thành lập ngày 19/10/1974 theo Quyết định thành lập số 283/QĐ/TCNSĐT của Bộ trưởng Bộ công nghiệp nặng.

Năm 1974 : Công ty được thành lập ngày 19/10/1974 bởi Bộ công nghiệp nặng với tên gọi là “Nhà máy vòng bi”

Năm 1996 : Ngày 06/01/1996, nhà máy đổi tên thành “Nhà máy Cơ khí Phổ Yên” thuộc Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp (VEAM) – Bộ công nghiệp

Năm 2002 : Tháng 04/2002, nhà máy được đổi tên thành “Công ty Cơ khí Phổ Yên”

Năm 2003 : Ngày 12/12/2003, Công ty đổi tên thành “Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên” theo Quyết định số 215/2003/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương)

Trải qua hơn 40 năm hoạt động, Công ty Cơ khí Phổ Yên đã tham gia cung cấp thiết bị, phụ tùng cho rất nhiều khách hàng trên toàn lãnh thổ Việt Nam và các nước trên thế giới. Công ty đã tạo được uy tín lớn trên thị trường với các sản phẩm chất lượng cao, giá cả hợp lý và không ngừng cải tiến công tác hậu mãi cũng như các dịch vụ chăm sóc khách hàng khác.

Hướng về chặng đường phát triển trong tương lai, FOMECO luôn đặt mục tiêu là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực gia công cơ khí của Việt Nam, luôn là bạn đồng hành tin cậy góp phần vào sự thành công và phát triển của khách hàng trong và ngoài nước;

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sau:

- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe

- Hoạt động thiết kế chuyên dụng (thiết kế phụ tùng xe máy, ô tô, con lăn, băng lái)
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô, xe máy và xe có động cơ khác
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (máy khai khoáng, xây dựng)
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (sản xuất vòng bi, dụng cụ cầm tay)
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại
- Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)
- Sản xuất xe có động cơ, mô tô, xe máy,
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (máy nông nghiệp, máy kéo, ô tô)
- Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh

Sản phẩm chính của Công ty bao gồm: Các loại vòng bi, phụ tùng xe gắn máy, phụ tùng ô tô, các chi tiết cơ khí nói chung, con lăn, băng tải, phụ tùng cho ngành xây dựng.

Thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp có vốn nước ngoài tại Việt Nam (FDI)
- Thị trường nội địa Việt Nam
- Xuất khẩu

Các đối tác, khách hàng truyền thống của Công ty trong những năm qua bao gồm: HONDA, YAMAHA, HILEX, HANWA, JOTO, SHOWA, SUZUKI, STANLEY, NIPPO ...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

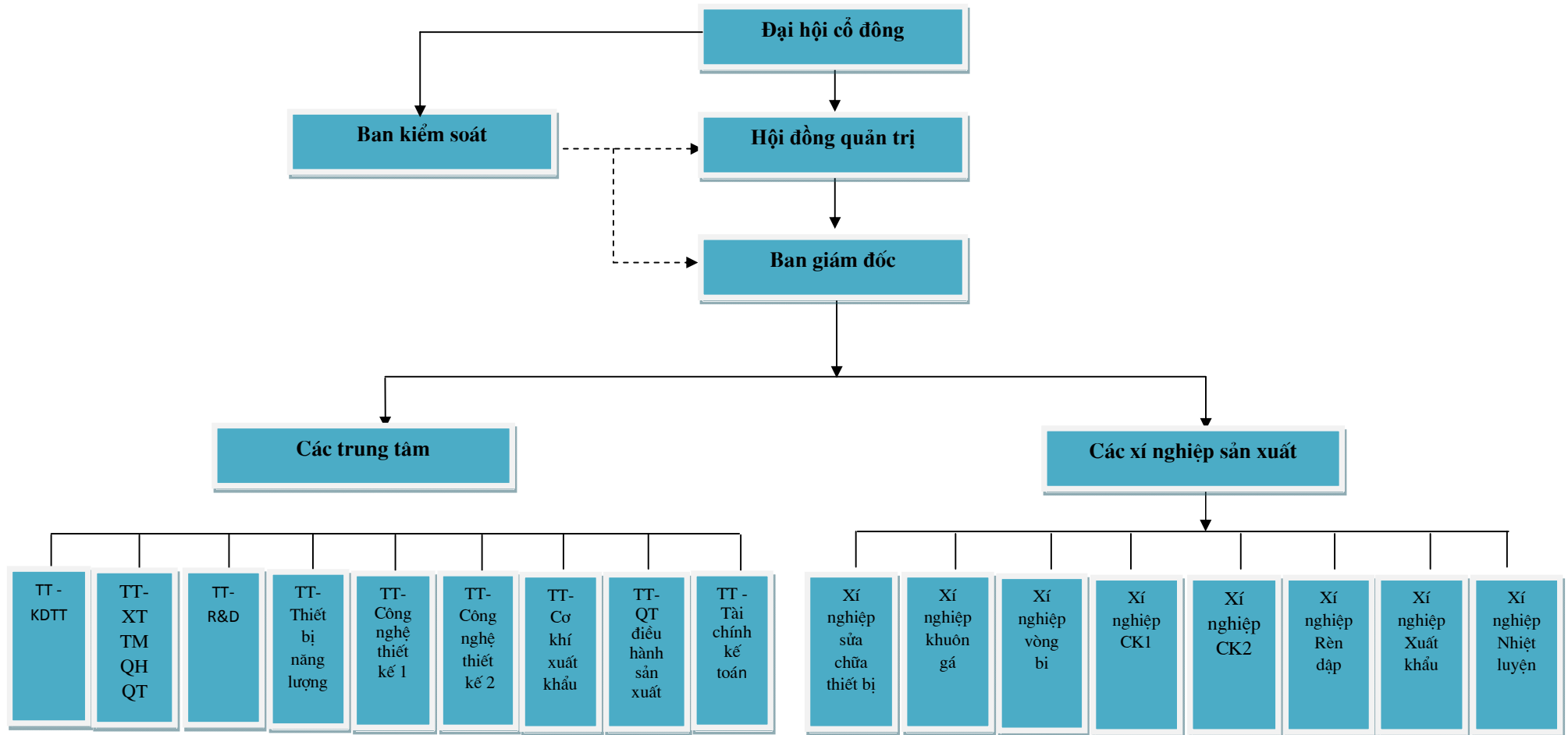
3.1 Mô hình quản trị:

- Hội đồng Quản trị gồm: 05 thành viên
- Ban kiểm soát: Gồm 03 thành viên
- Ban lãnh đạo Công ty gồm 06 thành viên: 01 Giám đốc điều hành, 01 Phó giám đốc phụ trách kỹ thuật, chất lượng, 01 Phó giám đốc phụ trách kinh doanh, 01 phó giám đốc phụ trách sản xuất, 01 phó giám đốc phụ trách mảng xuất khẩu, 01 kế toán trưởng.

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý

Trụ sở chính của công ty đặt tại phường Bãi Bông, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, cách thủ đô Hà Nội khoảng 50km. Công ty có tổng diện tích là 172.000 m², với trên 90.000 m² nhà xưởng. Nhân sự quản lý trực tiếp và gián tiếp khoảng 920 người làm việc tại 8 xí nghiệp sản xuất và 10 phòng ban, trung tâm. Công ty có 1 chi nhánh đặt tại thành phố Hồ Chí Minh.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển:

Xây dựng FOMECON thành một trong những doanh nghiệp được tin nhiệm nhất Việt Nam về: Quản lý tốt nhất, môi trường làm việc tốt nhất, văn hóa doanh nghiệp tiên tiến và đáng tin cậy trong môi trường kinh doanh.

Không ngừng đầu tư nâng cấp cải tiến hệ thống cơ sở vật chất, con người; liên doanh liên kết mở rộng thị trường tập trung vào dòng sản phẩm chất lượng cao, hàm lượng công nghệ vượt trội, giá cả cạnh tranh, nâng cao vị thế của Công ty với các đối tác trong và ngoài nước.

Chiến lược trung và dài hạn

Công ty xây dựng chiến lược phát triển trong giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2025, FOMECON luôn đặt mục tiêu là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực gia công cơ khí của Việt Nam, luôn là bạn đồng hành tin cậy góp phần vào sự thành công và phát triển của khách hàng trong và ngoài nước.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2016	Thực hiện năm 2016	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5	6=5/4
I	Nộp ngân sách nhà nước	Đồng	17.573.000.000	17.939.258.085	102%
II	Doanh thu công nghiệp	đồng	529.800.000.000	555.848.300.000	105%
III	Tổng lợi nhuận sau thuế	Đồng	12.500.000.000	14.026.862.041	112%
IV	Sản xuất và tiêu thụ				
1	Vòng bi các loại	Triệu đồng	96.561,6	97.769,3	101%
2	Hộp số các loại	"	5.838,9	4.166,9	71%
3	Hàng xuất khẩu	"	72.733,4	76.320,9	106%
4	Sản phẩm cơ khí khác	"	353.978,4	377.256,6	107%
II	Lao động và thu nhập				
	- Lao động bình quân	Người	920	920	100%
	- Tiền lương bình quân	đ/ng/th	6.500.000	6.700.000	103%

Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1 Danh sách ban điều hành:

2.1.1 Giám đốc Công ty

+ Họ và tên: **Hà Thế Dũng**

Giới tính: Nam

+ Ngày tháng năm sinh: 06/02/1961

- + Số chứng minh thư nhân dân: 091041597
- Ngày cấp: 02/06/2004 Nơi cấp: CA Tỉnh Thái Nguyên
- + Nơi sinh: Thái Hưng, Thái Thụy, Thái Bình
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: Kinh
- + Quê quán: Thái Hưng, Thái Thụy, Thái Bình
- + Địa chỉ thường trú: Phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên
- + Chỗ ở hiện tại: Phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên
- + Số điện thoại liên lạc: 0913286840
- + Trình độ văn hoá: 10/10
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
- + Số cổ phần nắm giữ: 811.480 cổ phần
- + Sở hữu cá nhân: 256.480 cổ phần
- + Đại diện sở hữu: 555.000 cổ phần

2.1.2 Phó Giám đốc Vương Đình Dũng

- + Họ và tên: **Vương Đình Dũng** Giới tính: Nam
- + Ngày tháng năm sinh: 25/11/1958
- + Số chứng minh thư nhân dân: 090552963
- Ngày cấp: 24/07/2012 Nơi cấp: CA Tỉnh Thái Nguyên
- + Nơi sinh: Ba Hàng, Phổ Yên, Thái Nguyên
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: Kinh
- + Quê quán: Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội
- + Địa chỉ thường trú: Phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên
- + Chỗ ở hiện tại: Phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên
- + Số điện thoại liên lạc: 0912100914
- + Trình độ văn hoá: 10/10
- + Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- + Số cổ phần nắm giữ ngày 27/04/2017: 215.060 cổ phần

2.1.3 Phó Giám đốc – Phan Đăng Danh

- + Họ và tên: **Phan Đăng Danh** Giới tính: Nam
- + Ngày tháng năm sinh: 31/08/1961
- + Số chứng minh thư nhân dân: 091657377
- Ngày cấp: 06/06/2007 Nơi cấp: CA Tỉnh Thái Nguyên
- + Nơi sinh: Xã Kỳ Châu, Kỳ Anh, Hà Tĩnh

- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: Kinh
- + Quê quán: Xã Kỳ Hà, Kỳ Anh, Hà Tĩnh
- + Địa chỉ thường trú: Phường Bãi Bông, thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên
- + Chỗ ở hiện tại: Phường Bãi Bông, thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên
- + Số điện thoại liên lạc: 0985659865
- + Trình độ văn hoá: 10/10
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
- + Số cổ phần nắm giữ ngày 27/04/2017: 27.180 cổ phần

2.1.4 Phó giám đốc Yoshiaki Ikeda

- + Họ và tên: **Yoshiaki Ikeda** Giới tính: Nam
- + Ngày tháng năm sinh: 22/07/1948
- + Số chứng minh thư nhân dân: TZ0533764
- Ngày cấp: 07/12/2007 Nơi cấp: Đại sứ quán Nhật Bản tại Hà Nội, Việt Nam
- + Nơi sinh: Nhật Bản
- + Quốc tịch: Nhật Bản
- + Dân tộc: Nhật Bản
- + Quê quán: Nhật Bản
- + Địa chỉ thường trú: Nhật Bản
- + Chỗ ở hiện tại: Nhật Bản
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- + Số cổ phần nắm giữ ngày 27/04/2017: 0 cổ phần

2.1.5 Phó Giám đốc Nguyễn Đức Chung

- + Họ và tên: **Nguyễn Đức Chung** Giới tính: Nam
- + Ngày tháng năm sinh: 20/10/1982
- + Số chứng minh thư nhân dân: 090826653
- Ngày cấp: 21/05/2010 Nơi cấp: CA Tỉnh Thái Nguyên
- + Nơi sinh: Hồng Tiến, Phổ Yên, Thái Nguyên
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: Kinh
- + Quê quán: Hồng Tiến, Phổ Yên, Thái Nguyên
- + Địa chỉ thường trú: Hồng Tiến, Phổ Yên, Thái Nguyên
- + Chỗ ở hiện tại: Phường Bãi Bông, thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên

- ### 2.1.6 Kế toán trưởng

- 2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành trong năm:** Không có

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên

- ### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn:

Năm 2016 Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 phê duyệt kế hoạch mua bổ xung máy móc thiết bị, sửa chữa, cải tạo nhà xưởng là: 29,7 tỷ; Công ty đã thực hiện giải ngân được 18,3 tỷ. Còn một số máy móc thiết bị chưa triển khai do xét nhu cầu sử dụng thực tế và nguồn tài chính nên không đầu tư.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	268.024.156.831	262.004.131.584	2,30%
Doanh thu thuần	559.340.392.105	509.587.361.210	9,76%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	16.689.074.615	14.693.225.998	13,58%
Lợi nhuận khác	1.104.236.020	1.073.277.237	2,88%
Lợi nhuận trước thuế	17.793.310.635	15.766.503.235	12,86%
Lợi nhuận sau thuế	14.026.862.041	12.076.660.937	16,15%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	79,13%	60,06%	31,75%

- Giá trị sổ sách của công ty thời điểm 31/12/2016:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015
TÀI SẢN		
A.Tài sản ngắn hạn	176.904.410.374	178.692.997.926
1.Tiền và các khoản tương đương tiền	13.310.651.328	7.939.515.457
2.Các khoản phải thu ngắn hạn	63.457.936.233	58.598.059.907
3.Hàng tồn kho	100.014.007.416	111.364.275.953
4.Tài sản ngắn hạn khác	121.815.397	791.146.609
B.Tài sản dài hạn	91.119.746.457	83.311.133.658
1.Tài sản cố định	90.191.408.311	83.161.311.356
2.Tài sản dở dang dài hạn	778.515.844	
3.Đầu tư tài chính dài hạn	149.822.302	149.822.302
Tổng cộng tài sản	268.024.156.831	262.004.131.584
NGUỒN VỐN		
A.Nợ phải trả	212.198.289.235	211.542.746.029
1.Nợ ngắn hạn	210.198.289.235	211.542.746.029
2.Nợ dài hạn	2.000.000.000	
B.Vốn chủ sở hữu	55.825.867.596	50.461.385.555
1.Vốn đầu tư của chủ sở hữu	37.000.000.000	36.977.900.000
2.Thặng dư vốn cổ phần		

3.Cổ phiếu quỹ		(15.300.000)
4.Quỹ đầu tư phát triển	1.422.124.618	1.422.124.618
5.Quỹ dự phòng tài chính		
6.Lợi nhuận chưa phân phối	17.403.742.978	12.076.660.937
Tổng cộng nguồn vốn	268.024.156.831	262.004.131.584

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2015
<u>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</u>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,84	0,84
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,37	0,32
<u>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)</u>			
Nợ/Tổng tài sản	%	79,17	80,74
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	380,11	419,22
<u>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</u>			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	4,53	3,92
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	2,11	1,93
<u>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</u>			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,51	2,37
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	26,39	31,88
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	5,29	4,57
Lợi nhuận SXKD/Doanh thu thuần	%	2,98	2,88

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) *Cổ phần:*

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 3.700.000 cổ phần
- Loại cổ phần: cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 3.700.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần
- Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài: Không có

b) *Cơ cấu cổ đông:*

Cổ đông	Số lượng cổ đồng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I. Cổ đông trong nước	218	3.700.000	100
* Cá nhân	217	1.813.000	49
* Tổ chức	1	1.887.000	51
II. Cổ đông nước ngoài	0	0	0
* Cá nhân	0	0	0
* Tổ chức	0	0	0
III. Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Tổng	218	3.700.000	100

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm là: 6.708 tấn sắt thép. Trong đó hầu hết được tiêu hao vào sản phẩm không có tái chế sử dụng.

6.2 Tiêu thụ năng lượng

- Điện năng: 9.221.150 KWh

6.3 Tiêu thụ nước:

Nguồn cung cấp nước là của Công ty CP nước sạch Thái Nguyên; trong năm tổng nguồn nước tiêu thụ là 28.037 m³

6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 01 lần.

- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 123.440.000 đồng.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng lao động bình quân sử dụng: 920 người

- Thu nhập bình quân : 6.700.000 đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Công ty luôn có chính sách quan tâm đến sức khỏe, an toàn cho người lao động và thực hiện nghiêm túc chế độ chính sách cho người lao động theo luật định.

- Hàng năm người lao động được khám sức khỏe định kỳ và bố trí lao động theo sức khỏe hợp lý; các điều kiện làm việc của người lao động được cải thiện; Công ty đã xây dựng

các sân chơi văn hóa thể thao lành mạnh, bổ ích cho CNV và thường xuyên chăm lo đến đời sống vật chất cũng như tinh thần cho người lao động.

- Thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Công tác đào tạo được Công ty thực hiện thường xuyên, hàng năm tổ chức đào tạo nghề, thi nâng bậc cho CNV.

Tổ chức cho cán bộ công nhận viên tập huấn lớp chuyên đề , nâng cao trình độ tay nghề.

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015
1	Doanh thu BH và CCDV	560.288.024.491	509.814.128.957
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	947.632.386	226.767.747
3	Doanh thu thuần về BH và CCDV	559.340.392.105	509.587.361.210
4	Giá vốn hàng bán	478.858.319.648	430.078.603.746
5	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	80.482.072.457	79.508.757.464
6	Doanh thu hoạt động tài chính	409.267.020	446.919.588
7	Chi phí tài chính	6.313.736.016	9.464.377.153
8	Chi phí bán hàng	11.359.122.266	10.631.754.109
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	46.529.406.580	45.166.319.792
10	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	16.689.074.615	14.693.225.998
11	Thu nhập khác	1.719.396.269	1.339.242.862
12	Chi phí khác	615.160.249	265.965.625
13	Lợi nhuận khác	1.104.236.020	1.073.277.237
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.793.310.635	15.766.503.235

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

Tình hình tài sản tại thời điểm 31/12/2016:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016 (VNĐ)
I	Tài sản ngắn hạn	176.904.410.374
II	Tài sản dài hạn	91.119.746.457
	Tổng cộng	268.024.156.831

Tình hình công nợ phải thu đến 31/12/2016:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016 (VNĐ)
1	Phải thu ngắn hạn khách hàng	60.507.228.155
2	Trả trước cho người bán	2.198.525.854
3	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	773.644.011
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(21.461.787)
	Tổng cộng	63.457.936.233

Cơ cấu tài sản của Công ty trong những năm qua đã phát huy được năng suất, hiệu quả của việc đầu tư, tuy nhiên do đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nên tài sản cố định vẫn còn chiếm tỷ trọng lớn.

Tình hình thu hồi công nợ của Công ty tốt. Các khoản nợ phải thu khó đòi chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng số nợ phải thu.

b) Tình hình nợ phải trả:

Dư nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2016:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016 (VNĐ)
I	Nợ ngắn hạn	210.198.289.235
II	Nợ dài hạn	2.000.000.000
	Tổng cộng	212.198.289.235

Công nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2016:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016 (VNĐ)
1	Phải trả người bán ngắn hạn	59.844.292.527
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	565.822.652
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	3.480.179.372
4	Phải trả người lao động	35.939.118.578
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	1.190.829.772
6	Phải trả ngắn hạn khác	5.300.068.774
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	94.699.148.075
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	7.011.000.412
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.167.829.073
	Tổng cộng	210.198.289.235

Công ty thực hiện tốt trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016, Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Tiếp tục duy trì quản trị chi phí tại các xí nghiệp. Ổn định sản xuất tại các xí nghiệp, điều chuyển lao động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo yêu cầu sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị, ban giám đốc, các trung tâm, xí nghiệp.

- Trả lương cho người lao động quản lý, phục vụ gắn liền với hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- *Công tác thị trường*

Đối với phụ tùng xe máy: Tiếp tục bổ xung thêm nguồn lực về thiết bị, ổn định, nâng cao chất lượng đảm bảo cho việc tăng sản lượng và phát triển mặt hàng mới của HONDA, YAMAHA, HILEX, MUSASHI, KYB, SHOWA...

Hàng cơ khí xuất khẩu: Nâng cao chất lượng, ổn định sản lượng đối với hàng JOTO, TANAKA, HEIWA, SANKIN, FUKUVI, YAMAKIN...

Đối với tiêu thụ nội địa: Vòng bi, phụ tùng xe máy: Đánh giá lại nhu cầu thị trường, kiện toàn lại hệ thống đại lý, điều chỉnh linh hoạt giá bán nội địa đối với vòng bi, phụ tùng xe máy. Đa dạng hóa nguồn hàng, phương thức tiếp thị, khuyến mại.

- *Công tác quản trị chất lượng, chi phí trong SXKD*

Hoàn thiện hệ thống đánh giá chất lượng theo GQI tại các đơn vị, tăng cường quản trị mặt bằng, hệ thống; giảm sản phẩm NG.

- *Công tác quản trị tài sản cố định*

Đầu tư các thiết bị mới để ổn định chất lượng, tăng sản lượng, phát triển thêm các sản phẩm mới.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Ý kiến của Kiểm toán viên đối với Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016 của Công ty là ý kiến chấp thuận toàn phần.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

- Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Đảm bảo đúng quy định.
- Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Đảm bảo đúng quy định
- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Thực hiện đầy đủ.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Các chỉ tiêu sản lượng sản xuất, doanh thu bán hàng, lợi nhuận đã đạt được theo kế hoạch đã đề ra. Đảm bảo tốt nghĩa vụ đối với môi trường và xã hội.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty :

Ban giám đốc Công ty đã chuẩn bị tốt các nội dung báo cáo hàng quý, năm trình Hội đồng quản trị xem xét và phê duyệt. Tổ chức và thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đã ban hành, thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn trong việc lãnh đạo quản lý, điều hành theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Bảo toàn và phát triển vốn, cơ cấu nguồn vốn hợp lý, duy trì tình hình tài chính lành

mạnh, sản xuất kinh doanh có hiệu quả nhằm đảm bảo an toàn tài chính và tối ưu hóa nguồn thu cho Công ty.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán:

Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Địa chỉ Website công bố báo cáo tài chính đã được kiểm toán: <http://fomeco.vn>

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 05 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN



Hà Thế Dũng